

	QUY TẮC ỨNG XỬ DÀNH CHO NHÀ CUNG CẤP (Supplier Code of Conduct)	Mã tài liệu (Document No.)	99-B-04-B-00-00-01-00
		Ngày hiệu lực (Effective Date)	02/01/2026
		Phiên bản (Version)	03

1. MỤC ĐÍCH VÀ PHẠM VI / PURPOSE & SCOPE

Bộ Quy tắc Ứng xử dành cho Nhà cung cấp của GREENFEED (“Bộ quy tắc”) đưa ra các nguyên tắc và yêu cầu đối với Nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ (“Nhà cung cấp”), bao gồm cả nhân viên, chủ sở hữu, cá nhân/ tổ chức góp vốn, cổ đông, người điều hành, người đại diện theo pháp luật, người được ủy quyền và trung gian của nhà cung cấp, phải tuân thủ trong kinh doanh hoặc cung cấp hàng hóa dịch vụ cho GREENFEED.

GREENFEED’s Code of Conduct for Supplier (“SCOC”) sets out the principles and requirements that Suppliers of goods and services (“Supplier”), including employees, owners, individual/organizations contributing capital, shareholders, operators, legal representatives, authorized persons and intermediaries of the Supplier, must comply with when doing business or providing goods and services to GREENFEED.

GREENFEED cam kết ưu tiên lựa chọn hàng hóa và dịch vụ từ Nhà cung cấp tôn trọng quyền con người, đạo đức, trách nhiệm xã hội, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; có các chính sách và thủ tục phù hợp, có trách nhiệm; và hoạt động nhất quán với các giá trị này. Bộ quy tắc thiết lập các nghĩa vụ cụ thể đối với Nhà cung cấp bao gồm: Giấy phép pháp lý; Lao động và Quyền con người; Cơ chế khiếu kiện, khiếu nại; Sức khỏe và An toàn; Môi trường và Phát triển bền vững; và Minh bạch về đặc tính sản phẩm.

GREENFEED is committed to prioritizing the selection of goods and services from Suppliers who respect human rights, ethics, social responsibility, environmental protection and sustainability; have appropriate, accountable policies and procedures in place; and operate consistently with these values. The SCOC establishes specific obligations to Supplier including: Legal licenses and permits; Labor and human rights; Employees grievance mechanisms; Health and Safety; Environment and Sustainability; and Transparency of product characteristics.

Nhà cung cấp có trách nhiệm triển khai Bộ quy tắc này đến các Nhà cung cấp của mình, bao gồm Nhà cung cấp trực tiếp và nhà thầu.

Suppliers are responsible for implementing this SCOC to their Suppliers, including direct Suppliers and contractors.

2. CÁC QUY TẮC ÁP DỤNG / APPLICABLE RULES

2.1. Sở hữu các loại giấy phép hợp pháp

Possession of all necessary legal licenses and permits

GREENFEED yêu cầu Nhà cung cấp sở hữu mọi giấy phép hợp pháp cần thiết cho hoạt động của mình, bao gồm: giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép môi trường, giấy chứng nhận hợp quy (nếu thuộc đối tượng bắt buộc), ...

GREENFEED requires the Supplier shall be in possession of all necessary legal licenses and permits for their operations, including: investment registration certificate, enterprise registration certificate, environmental license, certificate of conformity (if mandatory), etc.

2.2. Tuân thủ các luật lệ và quy định về lao động hiện hành

Complies with applicable labour laws and regulations

Nhà cung cấp phải

The Supplier shall:

	QUY TẮC ỨNG XỬ DÀNH CHO NHÀ CUNG CẤP (Supplier Code of Conduct)	Mã tài liệu (Document No.)	99-B-04-B-00-00-00-01-00
		Ngày hiệu lực (Effective Date)	02/01/2026
		Phiên bản (Version)	03

- Tuân thủ mọi luật lệ và quy định hiện hành về lao động hiện hữu và duy trì một hệ thống cho việc tuân thủ này.

Comply with all applicable labour-related laws and regulations and maintain a system for its compliance.

- Đảm bảo các nhân viên đều nắm rõ các quyền về lao động của họ; bao gồm cả những yêu cầu về quyền lao động theo các tiêu chuẩn mà GREENFEED và Nhà cung cấp đang cam kết áp dụng, kể cả khi chúng không bao gồm trong các luật lệ và quy định hiện hành.

Ensure all employees are familiar with their labour-related rights; including requirements on labour-related rights of the standards to which GREENFEED and the Supplier are committed, even if not covered by applicable laws and regulations.

2.3. Nhà cung cấp không tham gia – hoặc hỗ trợ – hành vi cưỡng bức, ép buộc lao động hoặc buôn bán người

The Supplier does not engage in – nor support – forced, bonded, compulsory labour or human trafficking

- Người lao động được lựa chọn công việc tự do, không bắt buộc làm công việc mà người đó không tự nguyện.

Employees are free to choose jobs, not forced to do any jobs outside their voluntary dedication.

- Nhà cung cấp đảm bảo cho người lao động được đi lại tự do trong khu vực làm việc theo quy định để uống nước hoặc đi vệ sinh. Người lao động được rời khỏi nơi làm việc trong các giờ ăn giữa ca hoặc sau khi chấm dứt ca làm việc.

The Supplier ensures employees' liberty of movement within prescribed areas to drink water or use the restroom. Employees are allowed to leave their workplace during mid-shift meal time or after the work shift.

- Không có người lao động nào bị lao động cưỡng bức, lao động có ràng buộc, lao động bắt buộc hoặc buôn người. Nếu có phải thực hiện các hành động khắc phục hiệu quả để ngăn ngừa tái diễn và được ghi chép lại thành văn bản để kiểm tra xác nhận đảm bảo tính hiệu quả.

No employees are forced, bonded, compulsory labour or human trafficking. Otherwise, effective corrective actions shall be taken to prevent recurrence; such actions shall be documented and verified for effectiveness.

- Nhà cung cấp hoặc bất kỳ đơn vị tuyển dụng/ giới thiệu việc làm nào được Nhà cung cấp sử dụng phải được sàng lọc và giám sát chặt chẽ để đảm bảo rằng:

The Supplier or any recruitment/ placement agency used by the Supplier shall be strictly selected and supervised to ensure that such recruitment agency:

- + Đơn vị tuyển dụng/ giới thiệu việc làm phải có chứng nhận hợp pháp.

The recruitment or placement agency has legal certification.

- + Không giữ bất kỳ giấy tờ tùy thân, văn bằng, chứng chỉ nào của người lao động để họ có thể tự do chấm dứt việc làm, đi du lịch hoặc rời khỏi đất nước.

Does not detain any identification documents, diplomas, or certificates of employees so that they can freely terminate their employment, travel, or leave the country.

- + Không được chiếm đoạt, phạt, cắt bất kỳ khoản tiền lương, tài sản hoặc phúc lợi của nhân viên, ngay cả khi quy định địa phương cho phép làm điều này, trừ trường hợp được phép theo quy định pháp luật.

	QUY TẮC ỨNG XỬ DÀNH CHO NHÀ CUNG CẤP (Supplier Code of Conduct)	Mã tài liệu (Document No.)	99-B-04-B-00-00-00-01-00
		Ngày hiệu lực (Effective Date)	02/01/2026
		Phiên bản (Version)	03

Not to withhold any part of the employee's salary, property, or benefits, even if local regulations allow for this, except as required by law.

- + Không thu tiền đặt cọc (bao gồm chi phí đi lại hồi hương đối với lao động nhập cư) hoặc bất kỳ khoản phí (tiền dằn chân) tuyển dụng nào trong việc tuyển dụng và trong quá trình tuyển dụng.
Does not require any deposit (including travel and repatriation costs for migrant workers) or recruitment fees (placement fee) in recruitment and during the recruitment process.

- Không sử dụng lao động là tù nhân.

Does not use prison labour.

- Nếu nơi làm việc không dễ tiếp cận và không có phương tiện giao thông công cộng thì sau khi kết thúc giờ làm việc Nhà cung cấp phải cung cấp cho người lao động phương tiện di chuyển hợp lý và an toàn.
If the workplace is not readily accessible and public transportation is not available, the Supplier shall provide reasonable and safe transportation to employees after their shift ends.
- Người lao động phải được trang bị các thiết bị vệ sinh và có nước uống trong ca làm việc.
Employees shall be equipped with sanitary equipment and access to drinking water during work shifts.
- Không được yêu cầu nhân viên phải cư trú tại nơi ở do người sử dụng lao động điều hành như một điều kiện tuyển dụng cho các hoạt động không xa xôi, dễ tiếp cận.
Does not require employees to reside in employer-operated accommodation as a condition of employment for non-remote, readily accessible, operations.

2.4. Bảo vệ lao động trẻ em và lao động trẻ tuổi

Protect children and young employees

- Nhà cung cấp cam kết không sử dụng lao động chưa thành niên trong các hoạt động của Nhà cung cấp theo các quy định và hướng dẫn hiện hành của luật pháp địa phương và Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO). Nếu vi phạm, Nhà cung cấp phải thực hiện các hành động khắc phục hiệu quả như tạo điều kiện cho trẻ đi học và tiếp tục đến trường cho đến khi qua độ tuổi bắt buộc. Những hành động khắc phục hậu quả sẽ được ghi chép và xác minh để đảm bảo tính hiệu quả.
The Supplier commits to not minor labor in the Supplier's activities in accordance with current regulations and guidelines of the local laws and International Labor Organization (ILO). If violated, the Supplier shall implement effective corrective actions that prevent recurrence. Corrective actions are documented and are verified to ensure effectiveness. such as enabling the child to attend school and remain in school until no longer mandatory.
- Trong trường hợp có sử dụng lao động chưa thành niên, Nhà cung cấp phải cam kết tuân theo các quy định hiện hành của luật pháp địa phương và Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO).
In case of using minor workers, the Supplier must comply with the current regulations of the local laws and International Labor Organization (ILO).
- Nhà cung cấp phải ủng hộ, và không được ngăn cản con người lao động đang sinh sống tại khu vực làm việc được đi học theo chương trình giáo dục bắt buộc.
The Supplier shall encourage, and shall not prevent, children of employees living on-site to attend mandatory schooling.

2.5. Không phân biệt đối xử

No discrimination

- Người lao động được quyền tiếp cận tuyển dụng công bằng và bình đẳng trong mọi trường hợp bao gồm: quy trình và điều kiện tuyển dụng, lương và phúc lợi, điều kiện làm việc, phân công công việc, đào tạo, thăng tiến và các cơ hội nghề nghiệp khác, các hình thức kỷ luật, chấm dứt, nghỉ hưu; không

	QUY TẮC ỨNG XỬ DÀNH CHO NHÀ CUNG CẤP (Supplier Code of Conduct)	Mã tài liệu (Document No.)	99-B-04-B-00-00-00-01-00
		Ngày hiệu lực (Effective Date)	02/01/2026
		Phiên bản (Version)	03

phân biệt giới tính, địa vị pháp lý, quốc tịch, giai cấp, chủng tộc, màu da, tuổi tác, khuynh hướng tình dục, dân tộc, khuyết tật, mang thai, tình trạng làm cha/mẹ, tình trạng hôn nhân, tôn giáo, đảng phái, chính kiến, tình trạng việc làm, tham gia vào công đoàn.

In all cases, employees have fair and equal rights to employment opportunities as job applicants do, particularly in terms of: recruitment procedure and conditions, salary and benefits, working conditions, work assignment, training, promotion and other career opportunities, disciplinary regimes, termination and retirement; without discrimination on basis of gender, legal status, nationality, class, race, skin colour, age, sexual orientation, ethnicity, disability, pregnancy, parental status, marital status, religion, party, political opinion, employment status and union participation.

- Nhà cung cấp và các bên có liên quan tới quá trình tuyển dụng, tùy trường hợp, không được phép kiểm tra thai kỳ hoặc trinh tiết, hoặc tiến hành hay tham gia các hoạt động ngừa thai ép buộc.

The Supplier and the entities involved in the recruitment process, as the case may be, are not authorized to conduct pregnancy or virginity examination, or to conduct or engage in forced contraception.

- Nhà cung cấp và các bên có liên quan tới quá trình tuyển dụng, tùy trường hợp, chỉ được kiểm tra y tế khi có yêu cầu về các lý do sức khỏe và an toàn để đánh giá rủi ro. Phải bảo vệ dữ liệu kết quả kiểm tra y tế của người lao động và những người này có quyền đối với kết quả kiểm tra của họ.

The Supplier and the entities involved in the recruitment process, as the case may be, are allowed to conduct medical examination only when it is required for reasons of health and safety risk assessment. Employee medical examination data shall be secured and these employees have rights to their examination results.

- Khi Nhà cung cấp hoặc đơn vị liên quan tới quá trình tuyển dụng, tùy trường hợp, xác định cần kiểm tra y tế để đánh giá nguy cơ về người làm công, những người này có quyền yêu cầu sự trợ giúp của bác sĩ độc lập, nếu họ muốn.

Where the Supplier, or if applicable the agency(ies) involved in recruitment, determine that medical tests are required according to their risk assessment, employees have the right to use an independent doctor, if preferred.

- Có một hệ thống/ quy trình để giám sát hiệu quả nhằm đảm bảo những hành vi quấy rối, lạm dụng hoặc bóc lột không xảy ra tại nơi làm việc.

An effective oversight system/ process shall be in place to avoid the occurrence of harassment, abuse or exploitation in the workplace.

- Tuyệt đối không được xúc phạm, đánh đập, sử dụng nhục hình hay cưỡng bức người lao động. Nếu có, xử lý theo quy định của nội quy của Nhà cung cấp và pháp luật lao động, các nội dung vi phạm được ghi nhận thông tin và hướng giải quyết một cách minh bạch.

Insult, physical aggression, corporal punishment and coercion against employees are absolutely prohibited. These acts, if any, shall be handled according to the Supplier's internal rules and the provisions of labour laws. The substance of violation and the course of action for resolution shall be documented transparently.

2.6. Cung cấp một môi trường làm việc đảm bảo sức khỏe và an toàn

Providing a safe and healthy work environment

- Duy trì đánh giá rủi ro về sức khỏe và an toàn (bao gồm cả rủi ro về thể chất tại nơi làm việc, rủi ro về tổn thương tinh thần trong môi trường làm việc).

Assessment of health and safety risks (including physical and mental risk in the workplace) shall be maintained.

	QUY TẮC ỨNG XỬ DÀNH CHO NHÀ CUNG CẤP (Supplier Code of Conduct)	Mã tài liệu (Document No.)	99-B-04-B-00-00-00-01-00
		Ngày hiệu lực (Effective Date)	02/01/2026
		Phiên bản (Version)	03

- Thực hiện các biện pháp thích hợp theo dõi các chỉ báo rủi ro, theo dõi tính hiệu quả của các biện pháp áp dụng, và tái đánh giá rủi ro dựa vào kết quả theo dõi.
Appropriate measures shall be taken to monitor risk indicators, the effectiveness of applied measures, and to re-assess risks based on the monitoring results.
- Cung cấp miễn phí các dụng cụ bảo hộ lao động cá nhân (PPE) được bảo trì tốt và phù hợp, theo nhu cầu được xác định trong kết quả đánh giá rủi ro an toàn và sức khỏe.
Provide appropriate and well-maintained personal protective equipment (PPE) free of charge, subject to the needs as suggested by the health and safety risk assessment results.
- Nhà cung cấp phải đảm bảo thực hiện hiệu quả các biện pháp an toàn và sức khỏe phù hợp; điều này bao gồm các thông báo/hướng dẫn an toàn và sức khỏe nơi làm việc, bảo trì hợp lý trang thiết bị; đào tạo người lao động một cách phù hợp bao gồm các phản ứng khẩn cấp cũng như sử dụng các thiết bị bảo vệ cá nhân (PPE) một cách hợp lý.
The Supplier shall ensure that appropriate health & safety measures are effectively implemented; this includes appropriate health & safety notices/instructions in the workplace, appropriate equipment maintenance, appropriate training for employees including on emergency responses, as well as PPE used appropriately by employees.
- Các hóa chất độc hại, nguy hiểm được kiểm soát chặt chẽ, có Bảng chỉ dẫn an toàn hóa chất đầy đủ.
Toxic and hazardous chemicals are strictly controlled with sufficient Safety Data Sheets (SDS).
- Đầu tư hệ thống thiết bị phòng cháy và chữa cháy phù hợp, tổ chức tập huấn thường xuyên cho người lao động để phòng ngừa các sự cố và đảm bảo an toàn khi có sự cố xảy ra.
An appropriate system of fire prevention and fighting equipment shall be invested; regular training shall be organized for employees to prevent incidents and ensure safety in cases of incident.
- Người lao động phải được cung cấp đầy đủ các vật tư y tế sơ cứu cần thiết do nhân viên có chuyên môn về y tế quản lý trong trường hợp có thương tích liên quan đến công việc. Người lao động được khám sức khỏe định kỳ hằng năm hoặc ít hơn theo từng bộ phận để kịp thời phát hiện bệnh nghề nghiệp phát sinh (nếu có).
Out of caution for work-related injury, employees shall be fully provided with necessary first aid medical supplies under the management by qualified medical personnel. Depending on their job position, employees are entitled to annual or less frequent health check-ups in order to promptly detect occupational diseases (if any).
- Cung cấp cho người lao động các loại bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm y tế, ...
Employees are provided with accident insurance, health insurance, etc.
- Trường hợp không được hệ thống an sinh xã hội/ y tế của Quốc gia hỗ trợ, Nhà cung cấp phải cung cấp và chi trả bảo hiểm cho toàn bộ công nhân viên bị tai nạn hoặc thương tật nghề nghiệp; bao gồm tối thiểu chi phí di chuyển và chữa trị/ thuốc men cần thiết cho việc hồi phục, chi phí di chuyển và chữa trị cho quá trình hồi phục, bồi thường cho khoảng thời gian không thể làm việc, cũng như chi phí hồi hương đối với người lao động nhập cư.
In case the employees are not covered by the National health/social security system, the Supplier shall procure and pay insurance for all employees who suffer a work accident or occupational injury. This covers at minimum the travel and treatment/ medication expenses necessary for recovery, travel and treatment costs during recovery, compensation for the time of inability to work, as well as repatriation costs for migrant workers.

	QUY TẮC ỨNG XỬ DÀNH CHO NHÀ CUNG CẤP (Supplier Code of Conduct)	Mã tài liệu (Document No.)	99-B-04-B-00-00-00-01-00
		Ngày hiệu lực (Effective Date)	02/01/2026
		Phiên bản (Version)	03

- Phải cho phép công nhân được tự ý rời khỏi vị trí làm việc không đảm bảo điều kiện làm việc an toàn mà không bị trừng phạt.
Permission shall be given to those workers, without fear of punishment, freely leaving an unsafe working position.
- Người lao động được cung cấp phương tiện vệ sinh phù hợp và sạch sẽ, với đầy đủ sự riêng tư, bao gồm việc tách riêng giới tính nếu cần.
Employees are provided with suitable and clean sanitation facilities that offer adequate privacy, which maintains gender segregation if necessary.
- Người lao động được cung cấp miễn phí nước uống có ghi nhãn rõ ràng.
Employees are provided with free drinking water transparently labelled.
- Nhà cung cấp phải cung cấp một khu vực dành riêng để chuẩn bị ăn uống trong thời gian nghỉ ngơi.
The Supplier shall provide access to a designated area to prepare food and eat during breaks.
- Nhà cung cấp không được yêu cầu người lao động mua đồ từ các cửa hàng hoặc dịch vụ do Nhà cung cấp điều hành, sử dụng căng tin, như là một điều kiện để được làm việc; trong trường hợp không có các cửa hàng hoặc dịch vụ thay thế do vị trí làm việc ở nơi hẻo lánh, thì giá cả phải hợp lý và không được phép kiếm lợi nhuận từ các cửa hàng và dịch vụ cung cấp cho người lao động.
The Supplier shall not require employees to buy items from stores or services operated by the Supplier, or to use the canteen as a condition of employment; if alternative stores or services are not available due to the remoteness of workplace, the prices shall be reasonable and no profit shall be made from the stores and services provided by the Supplier.
- Cung cấp khu vực phù hợp cho phụ nữ nuôi con bằng sữa mẹ và phải cho phép phụ nữ có thai hoặc cho con bú có thêm thời gian nghỉ trong ngày làm việc; thời gian nghỉ để chăm con phải được tính là thời gian làm việc và được trả lương phù hợp.
An area suitable for breastfeeding women shall be provided and additional time off for pregnant or lactating women should be given during the workday; Time off to care for children must be counted as working time and be properly paid.
- Không được tham gia hoặc dung túng sự ngược đãi về tinh thần, thể chất hoặc bằng lời nói hoặc mọi hình thức quấy rối khác.
Engagement in or tolerance of mental, physical or verbal mistreatment or any other form of harassment is disallowed.
- Phải đảm bảo tính toàn vẹn cấu trúc của các tòa nhà và công trình nằm trong khu vực của nhà máy.
Structural integrity of buildings and works located within the site of the plant must be ensured.
- Tuân thủ bộ luật hàng hải, đặc biệt liên quan đến khía cạnh sức khỏe và an toàn, trong những tình huống mà Nhà cung cấp tương tác với giao thông hàng hải.
The maritime codes, especially as regard to health and safety aspects, shall be observed in situations where the Supplier interacts with maritime traffic.

2.7. Tôn trọng quyền liên kết và quyền thương lượng tập thể

Respects the right to associate and the right for collective bargaining

- Nhà cung cấp phải thông báo cho toàn thể người lao động là họ được tự do tham gia hoặc thành lập các tổ chức đại diện người lao động (ví dụ như công đoàn cơ sở hoặc các tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp) theo lựa chọn của họ.
The Supplier shall inform all employees that they are free to join or form representative organisation of employees (i.e. internal trade unions or internal employee organisations), of their own choosing.

	QUY TẮC ỨNG XỬ DÀNH CHO NHÀ CUNG CẤP (Supplier Code of Conduct)	Mã tài liệu (Document No.)	99-B-04-B-00-00-00-01-00
		Ngày hiệu lực (Effective Date)	02/01/2026
		Phiên bản (Version)	03

- Nhà cung cấp phải thông báo cho toàn thể công nhân viên biết là họ được tự do thương lượng tập thể.
The Supplier shall inform all employees that they are free to bargain collectively
- Nhà cung cấp phải có thái độ cởi mở với các hoạt động của công đoàn và các hoạt động đoàn thể của người lao động.
The Supplier shall maintain an open attitude towards the union's activities and collective activities of its employees.
- Nhà cung cấp không can thiệp dưới bất kỳ hình thức nào vào việc thành lập, vận hành hoặc quản lý (những) tổ chức đại diện người lao động hoặc việc thương lượng tập thể.
The Supplier shall not interfere in any way with the establishment, functioning or administration of representative organisation(s) of employees or collective bargaining.
- Người đại diện cho người lao động không bị phân biệt đối xử và có điều kiện được thực hiện chức năng đại diện người lao động của họ tại nơi làm việc.
Employee representatives are not discriminated against and are entitled to exercise their employee representative functions at the workplace.
- Phạm vi của quyền tự do gia nhập đoàn thể và quyền thương lượng tập thể phải thuộc khuôn khổ của Luật pháp, Nhà cung cấp phải tạo điều kiện chứ không gây cản trở việc phát triển gia nhập đoàn thể và thương lượng tập thể độc lập và tự do.
The scope of freedom of association and collective bargaining shall be within the framework of Laws; the Supplier must facilitate, rather than hinder, the development of independent and liberal union participation and collective bargaining.

2.8. Ký hợp đồng với người lao động một cách minh bạch

Contracts employees in a transparent manner

- Khi nhận người lao động vào làm việc, Nhà cung cấp phải thực hiện việc ký kết hợp đồng lao động trực tiếp với người lao động hoặc với người đại diện theo ủy quyền của người lao động. Đảm bảo rằng người lao động hiểu và đồng ý các nội dung trong hợp đồng lao động trước khi họ di chuyển và bắt đầu làm việc. Các thông tin liên quan đến công việc mà Nhà cung cấp phải thông báo đến người lao động phải bao gồm tối thiểu các nội dung như sau:
When taking in an employee, the Supplier shall sign a labour contract directly with the employee or with the authorized representative of employee. It must ensure that the employee has understood and agreed with the terms of the labour contract before they arrive and start working. The worked-related information that the Supplier must notify to the employee shall include at least the following contents:
 - + Bản mô tả vai trò và trách nhiệm.
A description of the role and any responsibilities.
 - + Loại hợp đồng lao động.
Type of labour contract.
 - + Giờ làm việc, bao gồm việc được phép nghỉ giữa giờ.
Working hours, including break times.
 - + Nghỉ phép hàng năm và nghỉ vào các ngày lễ được trả lương.
Annual leaves and paid holidays.
 - + Chế độ nghỉ ốm.
Sick leave policy.
 - + Mức lương.
Salary.

	QUY TẮC ỨNG XỬ DÀNH CHO NHÀ CUNG CẤP (Supplier Code of Conduct)	Mã tài liệu (Document No.)	99-B-04-B-00-00-00-01-00
		Ngày hiệu lực (Effective Date)	02/01/2026
		Phiên bản (Version)	03

- + Mức khấu trừ lương theo thỏa thuận (ví dụ như tiền nhà ở, tiền ăn uống).
Salary withholding amount as agreed (e.g. accommodation, meals).
- + Tiền hỗ trợ làm ngoài giờ (tăng ca).
Overtime allowance (overtime pay).
- + Phúc lợi (ví dụ như bảo hiểm).
Benefits (e.g. insurance).
- + Cung cấp miễn phí Dụng cụ Bảo hộ Cá nhân (PPE) được bảo trì tốt và phù hợp, theo nhu cầu được xác định trong phần đánh giá rủi ro an toàn và sức khỏe,
Provide well maintained and appropriate Personal Protective Equipment (PPE) free of charge and according to the need defined in the health & safety risk assessment.
- + Điều khoản và điều kiện chấm dứt hợp đồng; thời gian thông báo.
Contract termination terms and conditions, notice time.
- + Tiếp cận các chính sách liên quan (ví dụ như chống phân biệt đối xử, tự do gia nhập công đoàn, tự do thương lượng tập thể).
Access to relevant policies (e.g. anti-discrimination, freedom of association and collective bargaining).
- + Các nội dung khác phải có trong hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật địa phương.
Other contents must be in labor contract as prescribed by local laws.
- Nhà cung cấp phải cung cấp minh bạch cho mọi người lao động về các quy trình và hồ sơ liên quan tới việc ứng lương, cho vay, giờ làm việc, chi trả và các khoản khấu trừ, và lưu các bản sao tại văn phòng/trụ sở của Nhà cung cấp.
The Supplier must provide transparency to all employees regarding procedures and records relating to payroll advances, loans, working hours, payments and deductions, and maintain copies at the Supplier's office/headquarter.
- Nhà cung cấp không được sắp xếp việc làm một cách hệ thống – bao gồm nhưng không giới hạn vào: hợp đồng lao động đơn thuần, hợp đồng thầu phụ, hợp đồng nội bộ gia đình, làm việc tại nhà, học nghề giả, việc sử dụng độc quyền hợp đồng có thời hạn định kỳ - để tránh các quyền xã hội hoặc lao động đối với người lao động.
The Supplier shall not use systematic employment arrangements – including but not limited to: labour-only contracting, sub-contracting, family contracting, home-working, false-apprenticeships, exclusive use of fixed-term contracts – to avoid any social or labour rights towards their employees.

2.9. Trả lương người lao động bằng hoặc hơn mức lương quy định tối thiểu

Pays employees at or above the legal minimum wage

- Lương và thù lao trả cho làm việc bình thường tối thiểu phải đảm bảo mức tiêu chuẩn hợp pháp của nhà nước hoặc các tiêu chuẩn trong ngành, tùy theo mức nào cao hơn. Trong mọi hoạt động, tiền lương phải đủ trang trải các nhu cầu cần thiết và cung cấp nhu cầu khả dụng thực tế nào đó.
The minimum salary and remuneration for regular jobs shall meet the legal standards of the state or industry standards, whichever is higher. For all operations, salary shall be sufficient to afford essential needs and cover certain practical needs.
- Thời gian làm việc của người lao động được thể hiện qua bảng chấm công minh bạch và được người lao động xác nhận trước khi tính lương.
The working time of employees is recorded in a transparent timesheet, which is confirmed by the employees before the salary is calculated.

	QUY TẮC ỨNG XỬ DÀNH CHO NHÀ CUNG CẤP (Supplier Code of Conduct)	Mã tài liệu (Document No.)	99-B-04-B-00-00-00-01-00
		Ngày hiệu lực (Effective Date)	02/01/2026
		Phiên bản (Version)	03

- Tất cả những người lao động sẽ được cung cấp các thông tin bằng văn bản và dễ hiểu về điều kiện làm việc liên quan đến lương trước khi họ vào làm việc và chi tiết cụ thể về lương trong kỳ trả lương có liên quan mỗi khi nhận lương.
All employees will be provided with written and understandable information about the working conditions as regard to salary before starting their work and salary particulars for the relevant salary period when receiving their salary.
- Việc trả lương cho người lao động phải theo định kỳ tối thiểu hàng tháng và trả trực tiếp cho người lao động hoặc người đại diện theo ủy quyền của người lao động. Không được trì hoãn hoặc giữ lại bằng bất kỳ hình thức nào, trừ trường hợp pháp luật địa phương có quy định khác.
Salary shall be paid at least monthly and directly to the employees or to the authorized representative of employees. It may not be delayed or withheld in any way, unless otherwise provided by local laws.
- Trong mỗi kỳ lương, người lao động sẽ được cung cấp phiếu lương kịp thời, dễ hiểu và thể hiện đầy đủ các khoản lương được chi trả.
For each salary period, the employees will be timely provided with an understandable pay slip that fully shows pay items.
- Giải đáp kịp thời mọi thắc mắc của người lao động về tiền lương, cách tính lương nếu có yêu cầu từ người lao động, ghi nhận thông tin thắc mắc và giải quyết cho người lao động vào sổ theo dõi.
All questions of the employees on salary and how to calculate salary, if any, shall be timely answered; such questions and answers shall be recorded in a logbook.
- Việc kỷ luật lao động bằng cách trừ lương sẽ không được chấp nhận. Tất cả các biện pháp kỷ luật phải được ghi nhận lại.
Salary deduction as a disciplinary sanction will not be accepted and pursuant to the laws. All disciplinary actions shall be documented.

2.10. Ngăn chặn thời gian làm việc quá mức

Prevents excessive working hours

- Thời gian làm việc và thời gian nghỉ phép hàng năm phải tuân thủ pháp luật nhà nước, thỏa ước lao động tập thể và các quy định của Nội quy lao động, tùy theo quy định nào bảo vệ tốt hơn cho người lao động.
The working time and annual leaves shall comply with state's laws, collective agreements and the provisions of Labour Internal Regulations, whichever is the most favourite to employees.
- Lưu giữ hồ sơ về số giờ làm việc của người lao động.
Records of employees' working hours shall be maintained.
- Đối với lao động từ 18 tuổi trở lên:
For employees aged 18 or older:
 - Giờ làm việc, ngoại trừ giờ làm thêm, sẽ được xác định theo hợp đồng và sẽ không quá 8 giờ mỗi ngày và 48 giờ mỗi tuần.
Working hours, excluding overtime, shall be determined as per contract, not exceeding 8 hours per day and 48 hours per week.
 - Làm thêm giờ là tự nguyện. Làm thêm giờ phải được sử dụng một cách hợp lý, có xem xét tất cả các điều sau đây: mức độ, tần suất và giờ đã làm việc của từng người lao động và cả toàn bộ lực lượng lao động, làm thêm giờ sẽ không được sử dụng thay cho làm việc thường xuyên.

	QUY TẮC ỨNG XỬ DÀNH CHO NHÀ CUNG CẤP (Supplier Code of Conduct)	Mã tài liệu (Document No.)	99-B-04-B-00-00-00-01-00
		Ngày hiệu lực (Effective Date)	02/01/2026
		Phiên bản (Version)	03

Overtime is voluntary. Overtime shall be used judiciously, taking into account all of the following: the extent, frequency and hours worked by individual employees and the entire workforce; overtime will not be counted as substitute for regular working time.

- + Bảo đảm số giờ làm thêm của người lao động không quá 12 giờ/ tuần, không quá 40 giờ/ tháng, không quá 200 giờ/năm (hoặc 300 giờ/năm đối với trường hợp đặc biệt theo quy định của pháp luật).

The overtime hours of an employee may not exceed 12 hours/week, 40 hours/month and 200 hours/year (or 300 hours/year for the special cases as prescribed by laws).

- + Làm thêm giờ phải luôn được trả thù lao theo mức quy định của pháp luật hiện hành.

In all cases overtime shall be paid in accordance with the provisions of current laws.

- + Thời gian nghỉ giải lao trong ngày làm việc không được ít hơn 1 giờ cho mỗi 8 tiếng lao động lao động, trong đó không được ít hơn 30 phút liên tục đối với trường hợp người lao động làm việc từ 06 giờ trở lên trong một ngày hoặc 45 phút liên tục đối với trường hợp người lao động làm việc ban đêm.

Workday breaks shall not be less than 1 hour per 8 hours of work, of which must not be less than 30 consecutive minutes for workers working 6 hours or more in a day or 45 consecutive minutes for workers working at night.

- + Thời gian nghỉ hàng ngày không được ít hơn 12 giờ liên tục cho mỗi 24 giờ làm việc.

Daily time off may not be less than 12 consecutive hours for every 24 working hours.

- + Thời gian nghỉ hàng tuần không được ít hơn 24 giờ liên tục (1 ngày) cho mỗi tuần.

Weekly time off may not be less than 24 consecutive hours (1 day) for every week.

- + Tuân thủ thỏa ước lao động tập thể về hệ số tính tăng ca, thời gian làm việc, nghỉ giải lao, nghỉ hàng ngày, nghỉ hàng tuần và đánh giá sức khỏe đối với ca đêm.

The collective labour agreement upon overtime pay coefficient, working time, break time, daily time off, weekly time off and health assessment for night shifts shall be observed.

- Đối với lao động chưa thành niên (từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi):

For minor labor (from 15 to under 18 years old):

- + Giờ làm việc sẽ được xác định theo hợp đồng và sẽ không quá 8 giờ mỗi ngày và 40 giờ mỗi tuần.

Working hours shall be determined as per contract, not exceeding 8 hours per day and 40 hours per week.

- + Không được cho phép làm thêm ngoài giờ, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Overtime is not allowed, unless otherwise provided by laws.

- + Thời gian nghỉ giữa giờ không được ít hơn 0.5 giờ cho mỗi 4.5 giờ làm việc.

Mid-shift break time may not be less than 0.5 hours for every 4.5 working hours.

- + Thời gian nghỉ trong ngày không được ít hơn 12 giờ liên tục cho mỗi 24 giờ làm việc.

Daily time off may not be less than 12 consecutive hours for every 24 working hours.

- + Thời gian nghỉ trong tuần không được ít hơn 48 giờ liên tục (2 ngày) trong vòng 7 ngày.

Weekly time off may not be less than 48 consecutive hours (2 days) for every 7 days.

- + Không được cho phép lao động chưa thành niên việc từ 10 giờ tối đến 6 giờ sáng, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

	QUY TẮC ỨNG XỬ DÀNH CHO NHÀ CUNG CẤP (Supplier Code of Conduct)	Mã tài liệu (Document No.)	99-B-04-B-00-00-00-01-00
		Ngày hiệu lực (Effective Date)	02/01/2026
		Phiên bản (Version)	03

Working from 10 pm to 6 am is not allowed, unless otherwise provided by laws.

- Đối với lao động trẻ chưa thành niên (chưa đủ 15 tuổi):

For minor labor (under 15 years old):

- + Giờ làm việc sẽ được xác định theo hợp đồng và sẽ không quá 3 giờ mỗi ngày và 14 giờ mỗi tuần.

Working hours shall be determined as per contract, not exceeding 3 hours per day and 14 hours per week.

- + Không được cho phép làm thêm ngoài giờ.

Overtime is not allowed.

- + Thời gian nghỉ giữa giờ không được ít hơn 0.5 giờ cho mỗi 3 giờ làm việc.

Mid-shift break time may not be less than 0.5 hours for every 3 working hours.

- + Không được cho phép lao động chưa thành niên làm việc từ 08 giờ tối đến 6 giờ sáng.

Working from 08 pm to 6 am is not allowed.

2.11. Áp dụng các biện pháp kỷ luật lao động đảm bảo tôn trọng phẩm giá và sức khỏe của người lao động

Apply disciplinary practices that respect the dignity and health of the employees.

- Phải có và áp dụng các quy trình kỷ luật minh bạch, tiến bộ và khách quan, đảm bảo phẩm giá và sự tôn trọng người lao động.

Transparent, progressive and objective disciplinary procedures that assure the dignity and respect for employees shall be in place and applied.

- Không được khấu trừ lương hoặc phúc lợi vào mục đích kỷ luật.

Salary or benefit deduction shall not be used for disciplinary purposes.

2.12. Cung cấp cơ chế khiếu kiện, khiếu nại hiệu quả cho người lao động

Providing effective employees grievance mechanisms

- Có sẵn một phương thức khiếu nại mà người lao động dễ tiếp cận, tạo thuận lợi cho việc đối thoại giữa các bên (ví dụ như giữa người lao động và các cấp quản lý khác nhau) trước khi xảy ra tranh chấp, thay cho phản ứng trong tranh chấp.

There is an accessible grievance regime, and facilitates the dialogue between parties (for example, between employees and different levels of management) before, rather than in reaction to, disputes.

- Tất cả cán bộ công nhân viên đều có thể thông tin, báo cáo về tình trạng phân biệt đối xử.... Khi nhận được thông tin, bộ phận chịu trách nhiệm phải tìm hiểu sự việc, xử lý và thông tin đến người lao động trong thời gian sớm nhất.

All officers, workers and staff are free to raise their voice on discrimination.... Upon receipt of any warning, responsible department shall investigate, solve and give reply to the employees as soon as possible.

- Có một quy trình khiếu nại với yêu cầu không được trả đũa (không tiết lộ danh tánh).

A grievance procedure on condition of non-retaliation (secrecy of personal identity) is in place.

- Thời gian giải quyết mọi khiếu nại:

Time for settlement of all claims:

- + Đối với khiếu nại của công nhân - nhân viên của Nhà cung cấp, Ban giải quyết khiếu nại tiếp nhận giải quyết tối đa trong 30 ngày kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại.

	QUY TẮC ỨNG XỬ DÀNH CHO NHÀ CUNG CẤP (Supplier Code of Conduct)	Mã tài liệu (Document No.)	99-B-04-B-00-00-00-01-00
		Ngày hiệu lực (Effective Date)	02/01/2026
		Phiên bản (Version)	03

For claims from workers – staff of the Supplier, the Claim Settlement Board receives and settles within up to 30 days from the date of receipt.

- Theo dõi các khiếu nại để phản hồi kịp thời và biện pháp khắc phục.
Claims shall be followed up for prompt response and remedial action.
- Có một ban/ tổ ra quyết định về vấn đề khiếu nại bao gồm các thành viên đại diện cho người lao động, nhằm đảm bảo sự cân nhắc đặc biệt đối với những nhóm dễ bị tổn thương như là các bà mẹ mới sinh, bà mẹ đang mang thai và các lao động nhập cư.
There shall be a claim decision making committee/ team which consist of members representing the employees, so as to ensure special consideration for vulnerable groups, such as new mothers, pregnant women and migrant workers.
- Đảm bảo giải quyết các khiếu nại một cách công bằng, đem lại kết quả hữu hiệu và thúc đẩy mọi cuộc đối thoại nếu cần.
Claims shall be settled in a fair and productive manner, and dialogue if necessary shall be promoted.
- Đảm bảo cung cấp quy trình giải quyết bí mật, theo yêu cầu của người lao động / đối tượng nộp đơn khiếu nại và chỉ chia sẻ thông tin cần thiết trong quá trình điều tra khiếu nại.
The Supplier shall ensure that a confidential settlement process is delivered as per request of the employees/claimants, and that only necessary information is shared during the claim investigation process.

2.13. Cung cấp nơi ở an toàn, tươm tất và sạch sẽ cho người lao động

Providing safe, decent and hygienic accommodation for employees

Trong tình huống Nhà cung cấp tổ chức nơi ở cho người lao động thì Nơi ở phải đảm bảo các điều kiện sau đây:

In case the Supplier organizes accommodation for employees, the Accommodation must ensure the following conditions:

- Đảm bảo an toàn các phương tiện cư trú cung cấp cho người lao động hoặc người nhà của họ, cho dù là Nhà cung cấp sở hữu, thuê hoặc ký hợp đồng cư trú với bên cung cấp dịch vụ; bao gồm việc cung cấp hệ thống an toàn, lối thoát khẩn cấp, hệ thống thông gió. Bảo vệ tránh nhiệt, lạnh, tiếng ồn, mùi hôi và bụi một cách hợp lý, cũng như là sự riêng tư đầy đủ, với việc phân tách giới tính nếu cần.
The Supplier shall ensure the safety of accommodation facilities provided to employees or their family members, whether under its ownership, lease or residence contracts with service providers. This includes the provision of safety systems, emergency exits and ventilation systems. Reasonable protection from heat, cold, noise, odours and dust, as well as adequate privacy which ensures gender separation, if necessary, shall be provided.
- Đảm bảo cung cấp các phương tiện cư trú sạch, hợp vệ sinh và đáp ứng nhu cầu cơ bản cho người lao động. Nơi ở phải tách biệt với khu vực sản xuất của Nhà cung cấp.
Clean and hygienic accommodation facilities shall be provided, meeting the basic needs of employees. The residence shall be separate from the Supplier's production areas.
- Bố trí những cuộc họp mặt hàng năm giữa Nhà cung cấp và các bên liên quan với người lao động để thảo luận cách cải thiện vấn đề nhà ở (nếu có).
Annual meetings between the Supplier and relevant parties with the employees shall be held to discuss how to improve accommodation issues (if any).
- Không được thu lợi nhuận từ việc cung cấp nơi ở cho người lao động.
It is disallowed to gain profit from the provision of accommodation for employees.

	QUY TẮC ỨNG XỬ DÀNH CHO NHÀ CUNG CẤP (Supplier Code of Conduct)	Mã tài liệu (Document No.)	99-B-04-B-00-00-00-01-00
		Ngày hiệu lực (Effective Date)	02/01/2026
		Phiên bản (Version)	03

2.14. Góp phần vào quá trình duy trì và nâng cao phúc lợi kinh tế và xã hội của cộng đồng địa phương *Contribution to the maintenance and enhancement of the local communities' economic and social welfare*

- Tích cực tham gia kết nối với cộng đồng địa phương để định kỳ xác định, tránh hoặc giảm thiểu các tác động xã hội tiêu cực đáng kể do các hoạt động từ việc sản xuất của Nhà cung cấp.
The Supplier shall positively engage in connection with the local communities so as to regularly identify, avoid or minimize significant negative social impacts resulting from its production activities.
- Phải xây dựng quy trình khiếu nại dễ tiếp cận và áp dụng đối với cộng đồng địa phương.
The Supplier shall have a grievance procedure accessible and applicable to the local community.
- Phải thông báo đến cộng đồng cách nộp khiếu nại và cơ chế xử lý khiếu nại.
The Supplier shall make known to the community how grievances can be submitted and how the mechanism for dealing with grievances works.
- Phải có một quy trình khiếu nại với yêu cầu không được trả đũa.
The Supplier shall have a grievance procedure that includes requirements for non-retaliation.
- Nhà cung cấp phải giải quyết mọi khiếu nại phát sinh từ các hoạt động của Nhà cung cấp trong vòng 90 ngày từ lúc các cộng đồng địa phương nộp khiếu nại.
The Supplier shall address all grievances resulting from activities created by the UoC within a 90-day timeframe from the date of submission by local communities.
- Phải theo dõi các khiếu nại, phản hồi cho khiếu nại và biện pháp khắc phục.
The Supplier shall track grievances, resulting responses and remedy.
- Phải có một ủy ban đưa ra quyết định về khiếu nại, bao gồm các thành viên đại diện cho cộng đồng địa phương, nhằm mục đích đảm bảo sự cân nhắc đặc biệt đối với những nhóm dễ bị tổn thương.
The Supplier shall have a decision-making grievance committee, including members representing local communities, in order to ensure special consideration for vulnerable groups.
- Ủy ban khiếu nại của Nhà cung cấp phải đảm bảo xử lý các khiếu nại một cách công bằng, đem lại kết quả hữu hiệu và thúc đẩy các cuộc đối thoại nếu cần.
The Supplier's grievance committee shall ensure that grievances are processed fairly, resulting in an effective outcome, and facilitates dialogue where needed
- Nhà cung cấp phải đảm bảo cung cấp quá trình giải quyết bảo mật, nếu có yêu cầu của người / đối tượng nộp khiếu nại, và sẽ chỉ cung cấp thông tin cần thiết trong quá trình điều tra khiếu nại.
The Supplier shall ensure a confidential process is provided for, if preferred by the person/entity submitting a grievance, and shall only share information as necessary to investigate the grievance.
- Nhà cung cấp không được giới hạn hoặc tác động tiêu cực tới quyền an ninh lương thực, quyền tiếp cận các tài nguyên về đất đai, nước của cộng đồng và các thành viên của cộng đồng, phát sinh từ các hoạt động của Nhà cung cấp.
The Supplier shall not restrict or negatively affect community and community members' rights to food security, and access to resources including land and water, resulting from activities by the Supplier.
- Trong giới hạn cho phép, sử dụng nguồn hàng hóa và dịch vụ, bao gồm cả việc làm, từ cộng đồng địa phương.
The Supplier shall, to the extent possible¹⁰³, source goods and services, including employment, from the local communities.

2.15. Tôn trọng quyền, văn hóa và lãnh thổ truyền thống của người bản địa và bộ lạc *Respect Indigenous and tribal people's rights, cultures and traditional territories*

	QUY TẮC ỨNG XỬ DÀNH CHO NHÀ CUNG CẤP (Supplier Code of Conduct)	Mã tài liệu (Document No.)	99-B-04-B-00-00-00-01-00
		Ngày hiệu lực (Effective Date)	02/01/2026
		Phiên bản (Version)	03

- Tích cực kết nối với người bản địa và người bộ lạc để phát hiện, phòng tránh và giảm thiểu các tác động xã hội quan trọng phát sinh từ các hoạt động của Nhà cung cấp.
The Supplier shall positively make connections with the Indigenous and tribal peoples to identify, avoid and mitigate significant social impacts of the Supplier's activities.
 - Phải có một quy trình khiếu nại để người bản địa tiếp cận và áp dụng.
The Supplier shall have a grievance procedure accessible and applicable to Indigenous people.
 - Phải thông báo đến người bản địa và người bộ lạc cách nộp khiếu nại và cơ chế xử lý khiếu nại
The Supplier shall make known to the Indigenous and tribal people how grievances can be submitted and how the mechanism for dealing with grievances works.
 - Phải có một quy trình khiếu nại với yêu cầu không được trả đũa.
The Supplier shall have a grievance procedure that includes requirements for non-retaliation.
 - Phải giải quyết mọi khiếu nại phát sinh từ các hoạt động của Nhà cung cấp trong vòng 90 ngày kể từ lúc người bản địa và người bộ lạc nộp khiếu nại.
The Supplier shall address all grievances resulting from activities created by the Supplier within a 90-day timeframe from the date of submission by Indigenous and tribal people.
 - Phải theo dõi các khiếu nại, phản hồi cho khiếu nại và biện pháp khắc phục.
The Supplier shall track grievances, resulting responses and remedy.
 - Phải có một ủy ban đưa ra quyết định về khiếu nại, bao gồm các thành viên đại diện người bản địa và người bộ lạc, nhằm đảm bảo sự cân nhắc đặc biệt đối với những nhóm dễ bị tổn thương.
The Supplier shall have a decision-making grievance committee, including members representing Indigenous and tribal people, in order to ensure special consideration for vulnerable groups.
 - Ủy ban giải quyết khiếu nại của Nhà cung cấp phải đảm bảo xử lý các khiếu nại một cách công bằng, đem lại kết quả hữu hiệu và thúc đẩy các cuộc đối thoại nếu cần.
The Supplier's grievance committee shall ensure that grievances are processed fairly, resulting in an effective outcome, and facilitates dialogue where needed.
 - Nhà cung cấp phải đảm bảo cung cấp quá trình giải quyết bảo mật, nếu có yêu cầu của người / đối tượng nộp khiếu nại, và sẽ chỉ cung cấp thông tin cần thiết trong quá trình điều tra khiếu nại.
The Supplier shall ensure a confidential process is provided for, if preferred by the person/entity submitting a grievance, and shall only share information as necessary to investigate the grievance.
 - Nhà cung cấp không được giới hạn hoặc tác động tiêu cực đến quyền và sự tiếp cận của người bản địa và người bộ lạc đến những địa điểm đặc biệt về văn hóa, sinh thái, kinh tế, tôn giáo hoặc tâm linh và những địa điểm mà những người này đang nắm giữ các quyền về pháp lý hoặc theo phong tục.
The Supplier shall not restrict or negatively affect Indigenous and tribal people's rights and access to sites which are of special cultural, ecological, economic, religious or spiritual significance, and for which the Indigenous and tribal people hold legal or customary rights.
 - Nhà cung cấp không được giới hạn hoặc tác động tiêu cực tới quyền an toàn thực phẩm, quyền tiếp cận các tài nguyên về đất đai, nước của người bản địa và người bộ lạc, phát sinh từ các hoạt động của Nhà cung cấp.
The Supplier shall not restrict or negatively affect Indigenous and tribal people's rights to food security, and access to resources including land and water, resulting from activities by the Supplier.
- Trong giới hạn cho phép, sử dụng hàng hóa và dịch vụ, kể cả việc làm từ người bản địa và người bộ lạc tại địa phương.

	QUY TẮC ỨNG XỬ DÀNH CHO NHÀ CUNG CẤP (Supplier Code of Conduct)	Mã tài liệu (Document No.)	99-B-04-B-00-00-00-01-00
		Ngày hiệu lực (Effective Date)	02/01/2026
		Phiên bản (Version)	03

The Supplier shall, to the extent possible, source goods and services, including employment, from local Indigenous and tribal people.

2.16. Tuân thủ các bộ luật và quy định môi trường hiện hành

Compliance with applicable environmental laws and regulations

- Nhà cung cấp phải tuân thủ mọi luật lệ và quy định hiện hành về môi trường và duy trì một hệ thống đảm bảo tuân thủ liên quan.

The Supplier shall comply with all applicable environmental-related laws and regulations and maintain a system for compliance with them.

2.17. Sử dụng nước có trách nhiệm

Using water supply responsibly

- Nhà cung cấp phải xác định mọi nguồn nước sử dụng, như nguồn cấp nước đô thị, nguồn nước mặt, nguồn nước ngầm, nước biển, nước thành phẩm, phân chia thành “nước sạch” và “nước khác”.

The Supplier shall identify all sources of water used, e.g., municipal water supplies, surface water sources, ground water sources, seawater, produced water, separated into “freshwater” and “other water”.

- Phải tính toán, ghi chép về mức độ tiêu thụ nước ở mỗi nguồn nước bằng đơn vị m³/tấn (tổng) trong thành phẩm sản xuất/ năm.

The Supplier shall calculate and record the level of water consumption in each water source in units of cubic meters per tonne (total) in finished products per year.

- Ở những nơi dùng giếng, mực nước ngầm phải được đo và ghi chép định kỳ (có lưu ý đến biến động theo mùa) và thực hiện tối thiểu một lần trong năm.

Where wells are used, groundwater levels shall be measured and recorded on a regular basis (taking into account seasonal fluctuation) and at least once a year.

- Phải phát triển và thực hiện Kế hoạch sử dụng nước hiệu quả (WCEP) nhằm giảm mức độ tiêu thụ nước phát sinh từ các thực hành không hiệu quả khi có thể. Kế hoạch phải bao gồm việc xác định các thực hành có trách nhiệm, các biện pháp nhằm hạn chế các thực hành xấu và gia tăng các thực hành có trách nhiệm trong một khung thời gian hợp lý.

The Supplier shall develop and implement a Water Conservation and Efficiency Plan (WCEP) with the intent to reduce water consumption as a result of inefficient practices, where possible. The plan shall include the identification of responsible practices, and measures to move away from poor practices and increase responsible practices within a meaningful timeline.

- Trong các khu vực có áp lực nguồn nước “cao” hoặc “cực cao” theo Bản đồ Rủi ro Nguồn nước từ www.wri.org/applications/maps/aqueduct-atlas, phải đánh giá rủi ro hằng năm để xem Kế hoạch Bảo tồn và Hiệu quả Nước, bao gồm các biện pháp phù hợp, có giảm thiểu nguy cơ mà Nhà cung cấp góp phần gây ra các vấn đề về cấp nước cho các hệ sinh thái và cộng đồng đang sử dụng chung nguồn nước hay không.

In areas with “high” or “extreme” water pressure according to the Water Risk Map from www.wri.org/applications/maps/aqueduct-atlas, an annual risk assessment is required to view whether the Water Conservation and Efficiency Plan, including appropriate measures, reduces the risks that the Supplier engages in to cause problems to the water supply for the ecosystems and communities that share the water source.

2.18. Xử lý chất thải một cách có trách nhiệm

	QUY TẮC ỨNG XỬ DÀNH CHO NHÀ CUNG CẤP (Supplier Code of Conduct)	Mã tài liệu (Document No.)	99-B-04-B-00-00-00-01-00
		Ngày hiệu lực (Effective Date)	02/01/2026
		Phiên bản (Version)	03

Handling waste responsibly

- Nhà cung cấp phải xác định mọi loại chất thải phát sinh, phân loại thành chất thải nguy hại và chất thải không nguy hại, phương thức xử lý cũng như mức độ thu hồi được tiến hành tại chỗ.

The Supplier shall identify all types of waste generated, separated into hazardous and non-hazardous waste, and method of disposal, as well as what level of recovery is carried out on-site.

- Nhà cung cấp phải tính toán, ghi chép để lập báo cáo thường niên về chất thải theo đơn vị ký (kg) mỗi năm, theo từng phương thức xử lý.

The Supplier must calculate and record to prepare annual reports on waste in kilograms (kg) per year, according to each treatment method.

- Nhà cung cấp phải phát triển và triển khai một Kế hoạch Quản lý Chất thải (WMP) dạng văn bản với mục đích cải thiện việc tránh lãng phí chất thải và thu hồi tài nguyên trong trường hợp khả thi. Kế hoạch WMP phải bao gồm việc xác định các thực hành và các biện pháp một cách có trách nhiệm nhằm loại bỏ các thực hành nghèo nàn và gia tăng các thực hành có trách nhiệm trong một khung thời gian có ý nghĩa

The Supplier shall develop and implement a documented Waste Management Plan (WMP) with the intent to improve waste avoidance and resource recovery where possible. The plan shall include the identification of responsible practices, and measures to move away from poor practices and increase responsible practices within a meaningful timeline.

- Nhà cung cấp phải xử lý và lưu giữ các hóa chất, vật liệu và chất thải độc hại một cách an toàn.

The Supplier shall handle and store chemicals and hazardous materials and waste in a safe manner.

- Nhà cung cấp phải quản lý giải trình mọi hóa chất và chất thải nguy hại khác tại cơ sở.

The Supplier shall account for all chemicals and other hazardous waste on site.

- Nhà cung cấp phải xử lý các vật liệu thải bỏ không được tái sử dụng hoặc tái chế một cách có trách nhiệm. Nghiêm cấm thải bỏ chất thải bên ngoài khu vực của Nhà cung cấp, tại các địa điểm không chính thức và đổ bỏ một cách bừa bãi.

The Supplier shall dispose of waste materials which are not re-used or recycled, in a responsible manner. Dumping waste outside the Supplier site in unofficial sites and littering is prohibited.

2.19. Xử lý nước thải có trách nhiệm

Handling effluents responsibly

- Nhà cung cấp phải xác định mọi loại nước thải (bao gồm nước thải trong sản xuất, nước thải tại chỗ, nước thải sinh hoạt từ văn phòng và nhà ở tại chỗ) và điểm thải (như nước mặt, nước ngầm, nước biển, cơ sở xử lý nước đô thị, tách ra thành nước thải từ “nước sạch” và từ “nước khác”) và các cấp độ xử lý được thực hiện tại chỗ.

The Supplier shall identify all effluents (including from production, site runoff, offices and any on-site accommodation) and destination of the discharge (e.g. to surface water, groundwater, seawater, municipal treatment facilities, separated into discharge by “freshwater” and “other water”), and what level of treatment is carried out on-site.

- Theo dõi, tính toán và lập báo cáo hàng năm về khai thác sử dụng nước mặt, nước ngầm và lượng nước thải phát sinh bao gồm nước thải ra môi trường từ các sự cố rò rỉ.

To monitor, calculate and make annual reports on wastewater volume, taking into consideration leakage incidents.

	QUY TẮC ỨNG XỬ DÀNH CHO NHÀ CUNG CẤP (Supplier Code of Conduct)	Mã tài liệu (Document No.)	99-B-04-B-00-00-00-01-00
		Ngày hiệu lực (Effective Date)	02/01/2026
		Phiên bản (Version)	03

- Phải triển khai thực hiện một Kế hoạch Quản lý Nước thải (EMP) với mục đích giảm các tác động tiêu cực liên quan đến các hệ sinh thái và sức khỏe con người. Kế hoạch này phải bao gồm việc xác định các thực hành và các biện pháp có trách nhiệm nhằm loại bỏ các thực hành kém và gia tăng các thực hành có trách nhiệm trong khung thời gian xác định. Kế hoạch cũng phải bao gồm các biện pháp ngăn ngừa và ứng phó với sự cố rò rỉ.

The Supplier shall develop and implement an Effluent Management Plan (EMP) with the intent to reduce negative impacts on receiving waters in terms of ecosystems and human health. The plan shall include the identification of responsible practices, and measures to move away from poor practices and increase responsible practices within a meaningful timeline. The plan shall also include spill prevention and response measures.

2.20. Sử dụng năng lượng một cách có trách nhiệm và giám sát lượng Khí thải nhà kính (GHG)

Responsible use of energy and monitoring of Greenhouse Gas (GHG) volume

- Nhà cung cấp phải xác định mọi nguồn năng lượng (như dầu diesel, xăng, khí tự nhiên, điện và các nguồn khác; xác định điện năng từ lưới điện quốc gia / khu vực và điện năng từ các nguồn năng lượng tái tạo và không tái tạo khác).

The Supplier shall identify all energy sources (e.g. diesel, petrol, natural gas, electricity, and other sources; specifying electricity from the national/regional grid and electricity coming from other renewable and non-renewable sources).

- Nhà cung cấp phải tính toán, ghi chép mức độ tiêu thụ năng lượng bằng đơn vị kilowatt (KW) cho mỗi tấn (tổng) thành phẩm sản xuất trong năm.

The Supplier shall calculate, record the energy consumption in kilowatt (KW) for each ton of (total) finished products per year.

- Nhà cung cấp phải soạn thảo và triển khai Kế hoạch Quản lý Hiệu quả Năng lượng (EEMP) với mục đích cải thiện hiệu quả năng lượng và tăng cường tỉ lệ năng lượng đến từ các nguồn năng lượng tái tạo. Kế hoạch EEMP phải xác định các thực hành và biện pháp có trách nhiệm để loại bỏ các thực hành kém hiệu quả và gia tăng các thực hành có trách nhiệm trong một khung thời gian có ý nghĩa.

The Supplier shall develop and implement an Energy Efficiency Management Plan (EEMP) with the intent to improve energy efficiency and to increase the proportion of energy coming from renewable energy sources. The plan shall include the identification of responsible practices, and measures to move away from poor practices and increase responsible practices within a meaningful timeline.

- Nhà cung cấp phải tính toán, ghi lại để báo cáo lượng Khí thải nhà kính (GHG) bằng đơn vị tấn CO₂ tương đương / t (tổng) thành phẩm sản xuất/ năm.

The Supplier shall calculate, record for making reports on GHG emissions in equivalent tons of CO₂ / t against (total) finished products per year.

2.21. Minh bạch về đặc tính sản phẩm

Transparency of product characteristics

- Để đảm bảo tính minh bạch về đặc tính sản phẩm, Nhà cung cấp sẽ công bố cho tất cả người mua sản phẩm các thông tin sau:

- + Sự hiện diện của các nguồn biến đổi Gen (GMO) hoặc các thành phần được sản xuất từ GMO của mỗi sản phẩm.

Regarding the presence of genetically modified organisms (GMOs) or ingredients produced from GMOs in each product.

	QUY TẮC ỨNG XỬ DÀNH CHO NHÀ CUNG CẤP (Supplier Code of Conduct)	Mã tài liệu (Document No.)	99-B-04-B-00-00-00-01-00
		Ngày hiệu lực (Effective Date)	02/01/2026
		Phiên bản (Version)	03

- + Hoạt chất hỗn hợp và mức độ (tính bằng mg hoặc g/ kg sản phẩm) của các chất kháng sinh được bổ sung hoặc các chất phụ gia thức ăn chăn nuôi y học khác được bổ sung cho mỗi sản phẩm.
Active ingredient mixes and level (in mg or g/kg of product) of added antibiotics or other added medicinal feed additives for each product.
- + Cam kết đảm bảo nguồn nguyên liệu cung cấp cho GF được sản xuất tuân thủ các quy định về an toàn vệ sinh thực phẩm / TACN theo luật định và các quy định đã thỏa thuận với GREENFEED (về kiểm soát rủi ro ATTP, chống gian lận thực phẩm, chống phá hoại có chủ đích, truy xuất nguồn gốc)

The Supplier shall ensure that all raw materials supplied to GREENFEED are manufactured in compliance with all applicable laws and regulations governing Food Safety and Animal Feed, as well as the requirements agreed with GREENFEED, including, but not limited to, food safety risk management, food fraud prevention, food defense, traceability, and other applicable food safety and quality requirements...

- + Cam kết tuân thủ các nguyên liệu cung cấp là nguyên liệu bền vững, không cung cấp nguyên liệu từ khu vực chặt phá rừng trái phép, không cung cấp nguyên liệu từ khu bảo tồn thiên nhiên hoang dã và không cung cấp nguyên liệu sản xuất từ các loài động thực vật nằm trong danh sách đỏ của quốc tế và địa phương. Áp dụng đối với NCC nguyên liệu cho các nhà máy TACN đạt chuẩn GGAP CFM, ASC và các tiêu chuẩn quốc tế yêu cầu về nguồn nguyên liệu bền vững.

The Supplier shall ensure that all raw materials supplied to GREENFEED are produced, handled, stored, and supplied in compliance with all applicable statutory and regulatory requirements relating to Food Safety and Animal Feed, as well as all specifications and requirements agreed with GREENFEED, including, but not limited to, food safety risk control, food fraud prevention, food defense, traceability, and other applicable food safety and quality requirements.

3. CAM KẾT / COMMITMENT

Nhằm đáp ứng đầy đủ các khuôn khổ quản trị phát triển bền vững, các tiêu chuẩn và thông lệ thực hành tốt trong sử dụng nguồn nguyên liệu bền vững và có trách nhiệm, chúng tôi khuyến nghị các Nhà cung cấp tôn trọng và thực hiện Bộ quy tắc này. Việc Nhà cung cấp không tuân thủ Bộ quy tắc này, sau mọi nỗ lực phối hợp và cách khắc phục từ cả hai phía, tùy theo mức độ có thể ảnh hưởng đến việc xem xét giao kết hợp đồng, tạm ngừng hoặc chấm dứt hợp đồng cung cấp hàng hóa, dịch vụ với Nhà cung cấp.

In order to fully meet the sustainable development governance frameworks, standards and good practices in the use of sustainable and responsible raw materials, we recommend that Suppliers respect and implement this SCOC. Failure by a Supplier to comply with this SCOC, after all efforts of coordination and remediation from both sides, depending on the level, may affect the consideration of entering into a contract, suspending or terminating the contract for the supply of goods and services with the Supplier.

Bằng việc ký đồng ý với Bộ quy tắc ứng xử dành cho Nhà cung cấp này, Nhà cung cấp xác nhận rằng:
By agreeing to this SCOC, Suppliers acknowledges that:

- Họ đã nhận được, đọc, hiểu và đồng ý tuân thủ Bộ Quy tắc ứng xử đối với Nhà cung cấp của GREENFEED;

	QUY TẮC ỨNG XỬ DÀNH CHO NHÀ CUNG CẤP (Supplier Code of Conduct)	Mã tài liệu (Document No.)	99-B-04-B-00-00-00-01-00
		Ngày hiệu lực (Effective Date)	02/01/2026
		Phiên bản (Version)	03

They have received, read, understood and agrees to comply with GREENFEED's Code of Conduct for Supplier;

- Họ sẽ thông báo với GREENFEED khi có bất kỳ thay đổi nào về nguyên liệu liên quan đến những quy định trong Bộ quy tắc này.

They will notify GREENFEED of any changes in raw materials related to this SCOC.

- Thông báo cho nhà cung cấp của họ và yêu cầu thực hiện theo Bộ quy tắc này.

To inform their suppliers and ask them to follow this SCOC.

Đại diện Nhà cung cấp:

Signed for and on behalf of Supplier:

Chữ ký và con dấu:

Signature and seal:

Họ và Tên

Full Name

Chức vụ:

Position:

Ngày:

Date:

Nếu bạn thấy hoặc nghi ngờ bất kỳ hành vi hoặc hoạt động kinh doanh nào mà bạn cho rằng có thể vi phạm Bộ quy tắc này, vui lòng phản ánh trực tiếp hoặc liên lạc qua email (ethics@greenfeed.com.vn) ngay với chúng tôi để ngăn chặn và phòng ngừa hành vi sai trái cũng như khắc phục bất kỳ sự cố nào đã xảy ra. Chúng tôi cam kết xử lý tất cả các phản ánh nhanh chóng, công bằng và bảo mật nhất có thể.

If you see or suspect any conduct or business activity that you think may violate this SCOC, please report it directly or contact us via email (ethics@greenfeed.com.vn) with us to prevent and prevent misconduct and correct any problems that have occurred. We are committed to handling all complaints as quickly, fairly and confidentially as possible.